

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2022/DS-PT

Ngày 27/7/2022

V/v Tranh chấp “*Hợp đồng góp  
hụi*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt;**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương;**

Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Đoan T, sinh năm 1972 (có mặt)

Ông Trần Văn H1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**3. Người kháng cáo:** Bị đơn bà Đỗ Thị Đoan T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### *Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Vào năm 2019, vợ chồng chị Đỗ Thị Đoan T (7 Điều) và anh Trần Văn H1 có tổ chức 01 dây hụi tháng, anh H tham gia chơi 01 phần hụi như sau: Dây hụi tháng 10.000.000 đồng, khai lần đầu vào ngày 25/5/2019 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, dây hụi gồm có 21 phần. Hình thức chơi hụi là đến ngày khai hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì được hốt hụi, còn hụi viên nào hốt rồi thì mỗi tháng đóng hụi chết là 10.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt hụi phải trả tiền hoa hồng cho chị T, anh H1 là 4.000.000 đồng.

Dây hụi này anh H đã đóng cho chị T, anh H1 được 13 lần. Sau đó, chị T, anh H1 ngưng không khai hụi nữa và nợ tiền hụi của anh H là 140.000.000 đồng. Việc không trả tiền nợ hụi đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh, nên anh H khởi kiện yêu cầu chị T, anh H1 phải trả cho anh số tiền hụi là 140.000.000 đồng.

Ngày 04/3/2022, anh H có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trần Văn H1 về việc trả số tiền 140.000.000 đồng. Anh H chỉ yêu cầu chị Đỗ Thị Đoan T trả số tiền 130.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn chị Đỗ Thị Đoan T trình bày:*

Chị có làm đầu thảo dây hụi tháng 10.000.000 đồng, khai lần đầu vào ngày 25/5/2019 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, dây hụi gồm có 21 phần, anh H tham gia 01 phần như anh H trình bày là đúng. Khi chơi hụi chị T có thỏa thuận với các hụi viên là ai kêu hốt được hụi thì chị phải trả tiền hụi vốn và tiền lãi cho người hốt hụi và người hốt hụi phải trả cho chị số tiền huê hồng là 4.000.000 đồng. Nhưng do chị bị nhiều người giật tiền hụi nên dây hụi này khai đến lần thứ 13 thì chị T tuyên bố bẻ hụi. Như vậy, trong dây hụi này anh H đóng cho chị được 13 lần hụi, chị T thống nhất còn nợ lại anh H số tiền dây hụi này tổng cộng là 130.000.000 đồng.

Chị T xin anh H cho chị trả số tiền hụi vốn là 100.000.000 đồng trong một năm và xin không trả tiền lãi. Nếu anh H không đồng ý thì chị đồng ý trả cho anh

H số tiền hụi là 130.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, khi nào những người nợ tiền hụi của chị trả tiền cho chị thì chị sẽ trả đủ hết cho anh H.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phưởng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Trần Văn H1 trả số tiền 140.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chị Đỗ Thị Đoan T trả số tiền 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc chị Đỗ Thị Đoan T phải trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền nợ hụi là 130.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 04/5/2022, bị đơn Đỗ Thị Đoan T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau: Đồng ý trả hụi cho anh H số tiền nợ gốc là 89.390.000 đồng, do không có khả năng trả nợ một lần nên chị T xin trả góp trong thời hạn 01 năm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: đồng ý trừ số tiền huê hồng cho chị T là 4.000.000 đồng, yêu cầu chị T trả tiền nợ hụi 126.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật; Chị T giữ yêu cầu kháng cáo, có thay đổi số tiền vốn góp hụi của anh H và yêu cầu được trả tiền nợ gốc anh H đã đóng hụi là 82.820.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi theo quy định của

pháp luật; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Đoan T nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn H1 đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh H1 đều vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Đoan T

Chị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền buộc chị phải trả theo bản án sơ thẩm, chị T yêu cầu được trả lại số tiền nợ gốc góp hụi. Như vậy, chị T và anh H có tranh chấp về tiền lãi hụi.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên thống nhất về số tiền chị T nợ anh H là 130.000.000 đồng trong biên nhận ngày 25/7/2020 là tiền nợ của 13 kỳ hụi chết của dây hụi 10.000.000 đồng/kỳ, gồm 21 phần (kỳ) khui mỗi

tháng 1 kỳ, khởi khai lần 1 vào ngày 25/5/2019, đây hội do chị T làm chủ, và bị bề hội vào kỳ khai thứ 14. Anh H thừa nhận số tiền 130.000.000 đồng nợ hội là tiền nợ hội chết (tức bao gồm tiền lãi hội) của 13 kỳ đã khai.

Để xem xét yêu cầu kháng cáo của chị T, cần xem xét trong số tiền nợ hội 130.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/7/2020 có bao nhiêu tiền lãi và tiền thực tế góp hội như chị T xác định hay không.

Xét thấy, về giao dịch chơi hội, các bên cùng thống nhất với nhau về thời gian diễn ra đây hội, kỳ mở hội, số tiền kỳ hội, số kỳ hội và số các hội viên tham gia đúng như giấy giao kèo đây hội (bút lục 42). Các bên đương sự còn thống nhất về hình thức chơi hội là đến ngày khai hội nếu hội viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hội, còn hội viên nào hốt rồi thì mỗi tháng góp hội chết là 10.000.000 đồng, anh H góp hội được 13 kỳ thì bề hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xuất trình chứng cứ mới là giấy ghi theo dõi tiền lãi hội cao nhất của mỗi kỳ khai hội: anh H thống nhất chữ viết ghi trong giấy là do anh H viết. Qua đối chiếu, anh H và chị T thống nhất số lãi hội qua 13 kỳ khai hội, từ đó thống nhất số tiền thực tế anh H góp tổng cộng là 82.820.000 đồng (gồm: kỳ 1 góp 7.000.000đ; kỳ 2 góp 7.000.000đ; kỳ 3 góp 6.150.000đ; kỳ 4 góp 5.970.000đ; kỳ 5 góp 6.000.000đ; kỳ 6 góp 6.150.000đ; kỳ 7 góp 6.450.000đ; kỳ 8 góp 6.450.000đ; kỳ 9 góp 6.450.000đ; kỳ 10 góp 6.050.000đ; kỳ 11 góp 6.050.000đ; kỳ 12 góp 6.100.000đ; kỳ 13 góp 7.000.000đ).

Như vậy, số tiền nợ hội anh H yêu cầu chị T trả là bao gồm cả tiền lãi hội, chênh lệch số tiền thực tế anh H đã góp hội là  $130.000.000đ - 82.820.000đ = 47.180.000đ$  đồng.

Căn cứ vào sự thống nhất của các bên về việc chị T tuyên bố bề hội, có cơ sở xác định chị T là chủ hội đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hội vào thời điểm khoảng tháng 6/2020 (âm lịch). Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Trong giao dịch góp hội nói trên, anh H là hội viên đã thực hiện góp hội hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019. Do đó, chị T có nghĩa vụ hoàn trả lại anh H số tiền đã góp hụi. Tuy nhiên, phần tiền hụi do anh H đã góp như anh H xác định bao gồm cả tiền lãi hụi 47.180.000 đồng là không phù hợp với quy định tại Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Yêu cầu khởi kiện của anh H căn cứ vào biên nhận ngày 25/7/2020 do chị T viết và ký tên ghi số tiền nợ hụi thiếu anh H là 130.000.000 đồng, nhưng thỏa thuận nợ hụi bao gồm cả lãi hụi như trên trái với quy định của pháp luật, nay chị T kháng cáo không đồng ý trả phần lãi hụi nên cần điều chỉnh lại tiền lãi hụi cho phù hợp. Điều này cũng đền bù được thiệt hại cho anh H khi hợp đồng góp hụi bị chị T đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Tiền lãi hụi được tính theo mức lãi suất quy định theo khoản 1 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Số tiền hụi góp được tính lãi từ thời điểm góp hụi đến thời điểm hụi mãn là ngày 25/02/2021 âm lịch với mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 là 1,66%/tháng như sau:

Kỳ 1 (ngày 25/5/2019 âm):  $7.000.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 2.440.200đ$

Kỳ 2 (ngày 25/6/2019 âm):  $7.000.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 2.324.000đ$

Kỳ 3 (ngày 25/7/2019 âm):  $7.000.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 1.939.710đ$

Kỳ 4 (ngày 25/8/2019 âm):  $5.970.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 1.783.836đ$

Kỳ 5 (ngày 25/9/2019 âm):  $6.000.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 1.693.200đ$

Kỳ 6 (ngày 25/10/2019 âm):  $6.150.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 1.633.440đ$

Kỳ 7 (ngày 25/11/2019 âm):  $6.450.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 1.606.050đ$

Kỳ 8 (ngày 25/12/2019 âm):  $6.450.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 1.498.980đ$

Kỳ 9 (ngày 25/01/2020 âm):  $6.450.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 1.391.910đ$

Kỳ 10 (ngày 25/02/2020 âm):  $6.050.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.205.160đ$

Kỳ 11 (ngày 25/3/2020 âm):  $6.050.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 1.104.730đ$

Kỳ 12 (ngày 25/4/2020 âm):  $6.100.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 1.012.600đ$

Kỳ 13 (ngày 25/5/2020 âm):  $7.000.000đ \times 1,66\% \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} = 1.045.800đ$

Tổng cộng tiền lãi của dây hụi đến thời điểm hụi mãn là 20.679.600 đồng.

- Thời gian sau khi hụi mãn ngày 25/02/2021 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 20/4/2022 (tức 20/3/2022 âm lịch) chị T đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ

hụi cho anh H, nên chị T phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự như sau:  $(82.820.000\text{đồng} + 20.679.600\text{đ}) \times 0,83\% \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} 25 \text{ ngày}$  (từ 25/02/2021âl đến 20/3/2022âl) = 11.024.400 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi và tiền lãi hụi chị T có nghĩa vụ trả cho anh H là:  $82.820.000 \text{ đồng} + 20.679.600 \text{ đồng} + 11.024.400 \text{ đồng} = 114.524.000 \text{ đồng}$ .

Về thời gian trả nợ: do chị T đã vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc trả khi án có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu trả dần của chị T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của chị T được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Bản án sơ thẩm bị sửa phần lãi hụi nên anh H phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền chênh lệch không được chấp nhận là 11.476.000 đồng ( $126.000.000\text{đ} - 114.524.000\text{đ} = 11.476.000\text{đ}$ ), theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phùng; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đỗ Thị Đoan T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Trần Văn H1 trả số tiền 140.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chị Đỗ Thị Đoan T trả số tiền 10.000.000 đồng.

**2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.**

Buộc chị Đỗ Thị Đoan T phải trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền nợ hụi là 114.524.000 đồng (một trăm mười bốn triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng); Trong đó gồm: 82.820.000 tiền nợ góp hụi, 20.679.600 đồng tiền lãi hụi và 11.024.400 đồng tiền lãi chậm trả.

Thời gian thực hiện: Chị T trả số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**3. Về án phí:**

- Chị Đỗ Thị Đoan T phải chịu 5.726.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Nguyễn Văn H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 573.800 đồng, được trừ vào số tiền 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001601 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại anh H số tiền chênh lệch là 2.926.200 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- THADS Huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Nguyệt**



